

Về những đồ gốm Việt Nam

GHI NIÊN HIỆU TRUNG HOA

PHẠM QUỐC QUÂN*

Nai học giả John Guy (Anh) và John Stevenson (Mỹ), đã có một nhận xét khá tinh nhạy: Gốm Việt Nam, một truyền thống riêng biệt. Đồng thời đây cũng là đầu đề cuốn sách Gốm Việt Nam, do hai ông đồng chủ biên, được xuất bản ở Mỹ năm 1997, gây được một tiếng vang lớn trong giới nghệ thuật và có ảnh hưởng tới nhiều nhà nghiên cứu gốm Việt Nam (1). Chính vì có một sự riêng biệt ấy, mà những sản phẩm gốm Việt Nam mặc dù có ghi niên hiệu Trung Quốc, nhưng cũng không sao trộn

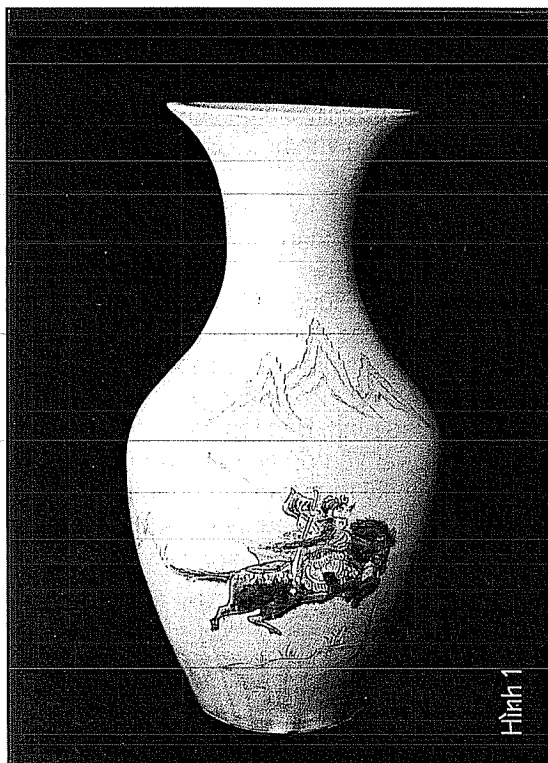
lẫn, ngoại trừ những đồ gốm ký kiểu được Việt Nam đặt hàng. Bài viết này nhằm cung cấp cho độc giả những tư liệu về gốm có minh văn nêu trên, theo đó, có đôi điều giải thích hiện tượng lịch sử ấy, và bổ sung thêm một vài ý, mà những nhà nghiên cứu trước, do chưa có đủ tư liệu trong tay, nên không đề cập.

1- Tư liệu:

1- Trước hết là chiếc bình gốm Bát Tràng, men trắng rạn vẽ nhiều màu. Bình có miệng loe, cổ cao, vai xuôi, thân thuôn, đế thót bằng, cao 68cm, đường kính miệng 26cm, đường kính đáy 20cm, thân bình vẽ tích truyện Trung Quốc, nhiều màu, cảnh núi non trùng điệp xa xa, được diễn tả bằng đôi ba nét vẽ lam theo luật viễn cận. Mặt đất phía dưới thoải dốc, tia tốt bằng một đường lam, trên đó là những khóm cỏ là là. Chính cảnh là một người phi ngựa, mặc giáp, cầm long đao với tu

thế oai phong, lâm liệt như Quan Công cưỡi Xích Thố - một nhân vật được người Việt Nam khá quen biết trong truyện cổ Tam Quốc điển nghĩa, trong đền thờ các vị nhân thần xả thân vì nghĩa cả. Chú ngựa Xích Thố đang phi nước đại, hai vó trước đưa lên sát miệng, hai chân sau đạp đất, đuôi vươn thẳng, thật hùng dũng và thích hợp với chủ nhân. Cả khối trang trí chủ đạo này được vẽ bằng 3 màu: nâu, xanh lam và vàng, càng tạo nên chất hùng tráng và ấn tượng cho toàn bộ bức tranh. Hiếm một nổi, nghệ nhân vẽ tranh, không hiểu kém tài hoa hay muốn gửi gắm một tâm tư khác, mà mặt Quan Công lại hao hao giống Tôn Hành Giả - một nhân vật huyền thoại trong Tây Du Ký - cũng là một tích truyện cổ, nhưng hiếm khi lấy làm đề tài trên trang trí gốm (hình 1).

Điều đặc biệt là, dưới đáy chiếc bình có khắc 4 chữ Hán khá nhỏ so tỷ lệ với bình, nhưng quy chuẩn và đẹp "Càn Long niên chế" (1736 - 1795). Đây chắc chắn không phải niên đại thật của chiếc bình. Phong cách và men có thể chỉ rõ bình có niên đại vào thế kỷ 19. Sự sai lệch giữa niên hiệu



Hình 1

* TS. Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam

và niên đại không phải là một hiện tượng hiếm hoi, mà đôi dòng dưới đây, tôi xin được phân tích kỹ hơn (hình 2). Tuy nhiên, việc khắc niên hiệu lại hoà một hiện tượng khá lạ lẫn của gốm cổ nói chung, gốm Việt Nam nói riêng. Thông thường niên hiệu thường được viết trên hoặc dưới men hay in khuôn, mà hai tiêu bản dưới đây, độc giả có thể thấy ngay kỹ thuật này.

2- Đôi lọ Bát Tràng có màu lam phun, đắp nổi và khắc chìm men nâu và trắng. Lọ có miệng loe, cổ cao, vai xuôi, thân thuôn, đế choãi. Ở cổ bình có hai đôi quai cách điệu cành mai xù xì, màu nâu đen, quanh cành là những bông mai xoè cánh, khoe sắc trắng ngà, nhụy vàng phơn phớt. Thân bình đắp nổi rồng châu mặt nguyệt. Con phía trên to hơn, đang trong tư thế lao xuống. Con phía dưới nhỏ hơn, đầu lao ngược lên, tạo thế vắn vũ châu vào mặt nguyệt. Cả hai con rồng đều trong tư thế động, dữ dằn, được nghệ nhân thể hiện khá điêu luyện (hình 3).

Ở phía thân bên kia không trang trí, nhưng có triện hình chữ nhật đúc nổi ba chữ Hán "Quang Tự niên" (1875 - 1908), trong một khung chữ nhật ngang, phía dưới có 3 chữ nổi "Gia Bát tạo" (Gia Lâm, Bát Tràng tạo tác), dưới chữ "tạo" là một triện nhỏ, hẳn là dấu của lò gốm. Hai cạnh là hoa văn dấu móc loằng ngoằng và rối rắm (hình 4). Triện niên hiệu được in khuôn, ở thân bình, cũng là

một hiện tượng khá lạ trên đồ gốm nói chung, gốm Việt Nam nói riêng. Sự lạ lắm hơn nữa là trên cùng một dấu triện lớn, có đúc nổi niên hiệu, cả dấu triện lò và ghi cả tên địa phương lò. Thông thường, triện vuông được in trên đáy khí vật, và khi đã có triện niên hiệu, thì dấu triện lò không có hoặc ngược lại. Việc ghi niên hiệu bằng men ở vai, cổ hoặc đáy khí vật, dù không phổ biến như ở tròn, nhưng cũng gặp nhiều trên đồ gốm sứ Trung Quốc, Việt Nam. Một điểm khác biệt tiếp theo, hiện rất khó giải thích là, người thợ gốm chỉ dùng 3 chữ trong hai trường hợp kể trên, mà lẽ ra, đúng nghĩa nhất, các lò gốm quan và dân thường dùng phải để "Quang Tự niên chế/tạo" và "Gia Lâm Bát Tràng tạo/chế". Phải chăng, bố cục triện chữ nhật trên chỉ cho phép đặt trong khuôn ngắn ấy ký tự. Hơn nữa, Gia Lâm, Bát Tràng chắc chắn là một địa danh nổi tiếng, nên không cần nhiều chữ cũng đủ để người dùng hiểu được.

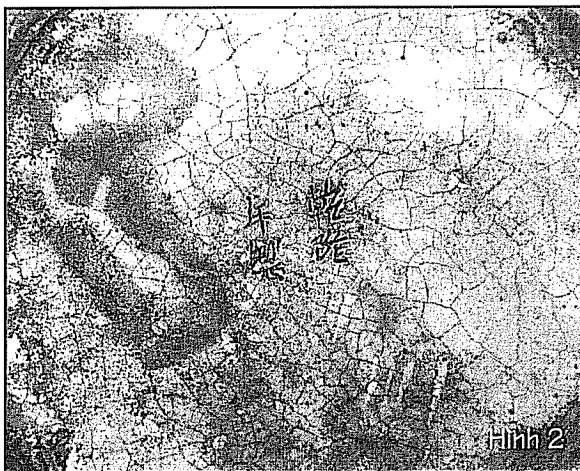
Căn cứ vào phong cách trang trí, vào men và đặc biệt là niên hiệu đúc trên khí vật, chúng tôi nghĩ rằng, hai bình gốm trên được làm vào thế kỷ

19 là có cơ sở.

3- Trên đây là hai ví dụ điển hình về đồ gốm Việt Nam, hay chính xác hơn là đồ gốm Bát Tràng có ghi niên hiệu Trung Quốc, còn khá nhiều trường hợp khác, tôi đã tận mắt được nhìn, như chiếc đĩa men trắng vẽ lam, lòng bằng, miệng ngang, trong lòng trang trí hoa cúc, thành miệng vẽ cổ đồ, có kích thước khá lớn, dưới đáy có ghi 4 chữ Hán "Tuyên Đức niên tạo" (1426 - 1436). Nhìn vào màu men lam và trắng rạn ngả vàng, cùng với kiểu các của khí vật, chúng tôi cho đây là đồ gốm Bát Tràng thời Quang Trung, Gia Long, mà một số hiện vật hiếm hoi có ghi niên hiệu như thế, đang trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, là những tiêu bản mang ý nghĩa so sánh rất điển hình. Nếu thật đúng với niên đại mà chúng tôi đã định, thì chiếc đĩa trên cũng là một cổ vật quý hiếm, cho dù, có sự sai lệch đáng ngờ về niên hiệu ghi trên khí vật.

Một chiếc bình thứ hai, ở một sưu tập tư nhân tại Nam Định, cũng dáng cổ cao, miệng loe, thân thuôn, trang trí đắp nổi tích cổ "Ngư ông đắc lợi", bằng men nhiều màu trên nền men rạn, dưới đáy có ghi 4 chữ Hán bằng màu men cô ban "Khang Hy niên chế" (1662-1722). Quả thật, chiếc bình này cũng chỉ được sản xuất vào thế kỷ 19, chứ không thể là niên đại được ghi trên đây, khi những dấu ấn để lại trên nó thấy khá phổ biến trên đồ gốm Bát Tràng thế kỷ này.

Một chiếc thứ ba,



Hình 2

đó là song bình sứ men trắng vẽ lam, trang trí rồng mây, dáng khá đẹp trong một tư thế hoành tráng của một đôi lọ thờ, dưới đáy có ghi 4 chữ Hán "Tuyên Hoá niên chế". Đây là đôi bình mà xưa nay, chúng ta vẫn quen gọi là đồ Blue de Hue, gần đây được mang một cái tên mới: Đồ ký kiểu. Có một số nhà nghiên cứu Việt Nam không cho đây là cổ vật Việt, mà coi là sản phẩm Trung Quốc. Thế nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu thế giới, trong các ấn phẩm gốm sứ của mình, đều xếp, đó là đồ Việt Nam, được hai triều Lê - Trịnh và Nguyễn đặt làm ở lò Trung Quốc, theo mẫu mã và yêu cầu Việt. Tuy nhiên, không phải bất cứ đồ Tuyên Hoá nào cũng là ký kiểu. Không ít là của Trung Quốc, mà chúng ta đã từng gặp trong các sưu tập tư nhân, do lực lượng Hải quan thu giữ được, đã yêu cầu Bộ Văn hóa-Thông tin giám định.

Vậy, Tuyên Hoá là gì? Trần Đức Anh Sơn - một chuyên gia về gốm sứ ký kiểu, đã có lý, khi nói đây là sự gán ghép hai hiệu đề Tuyên Đức (1426-1435) và Thành Hoá (1465-1487) hai triều đại cuối thời Minh ở Trung Hoa. Đồ gốm sứ dưới hai triều vua này được đánh giá rất cao. Có lẽ, vì nguyên nhân này, nên người ta kết hợp hai niên hiệu trên, thành niên hiệu mới (Tuyên Đức + Thành Hoá = Tuyên Hoá), nhằm tôn vinh món đồ sứ ký kiểu quý giá ấy như đồ sứ thời Tuyên Đức, Thành Hoá (2).

Trần Đức Anh Sơn còn cung cấp cho chúng ta những hiệu đề khác mà đồ ký kiểu Việt Nam sử dụng vương triều

Trung Hoa như "Vĩnh Lạc niên chế" (1403-1425), "Tuyên Đức niên chế" và "Thành Hoá niên chế"... Như vậy, không chỉ có gốm Bát Tràng sử dụng niên hiệu Trung Quốc, mà ngay cả đồ dùng của Hoàng cung, do các sứ thần đặt hàng, cũng sử dụng niên hiệu Trung Hoa (3). Điều đó càng chứng tỏ giá trị gốm sứ của các triều đại trên vẫn là một ước muốn của các triều đại sau.

Không chỉ có Việt Nam có hiện tượng đó. Gốm sứ Trung Hoa đầy rẫy các triều đại sau ghi niên hiệu các triều đại trước. Phải chăng đó là sự hoài niệm về tổ tiên hay một sự copy với mục đích ám muội, giả danh hoặc một sự tôn vinh thời vàng son của gốm sứ trong quá khứ. Tất cả đều có thể xảy ra, song ngoài những đồ sứ chính quốc mang ý nghĩa hoài niệm, thì hầu như, tất cả là đồ làm giả, đều với mục đích lường gạt, khi kinh tế thị trường đã phát triển ở mức cực thịnh. Phàm đã là như vậy, thì những đồ sứ làm giả ấy, thường có niên đại khá xa với hiệu đề trên đó. Khi ấy, vương quyền của thời trước đã nhạt nhòa trong ký ức nhân gian, ý nghĩa lò quan không còn bao nhiêu giá trị, như chúng ta thường quan niệm.

II- Đòi điều ghi nhận.

Gốm sứ Trung Hoa có ghi hiệu, hay chính xác hơn có ghi niên hiệu các triều đại, thông thường là thuộc các lò quan của Cảnh Đức Trấn. Cũng có đôi ba trường hợp, sản phẩm không thuộc lò quan, nhưng có ghi niên hiệu, theo chúng tôi, đó là những lò dân gian ở rất xa kinh thành và đã quá xa thời vua có niên đại đó. Sản phẩm lò quan được một vị

quan trong Cục Bách Tác coi sóc, kiểm định, nên chất lượng rất đảm bảo. Bất cứ một lỗi nhỏ nào trên sản phẩm cũng đều bị thải loại và bị đập vỡ, không được lưu hành trong dân gian bách tính. Vì lẽ đó, chữ ghi hiệu đề cũng vô cùng chuẩn xác, chân phương. Chính vì thế, rất nhiều tiêu bản lò dân vùng Hoa Nam có hiệu đề mà chúng tôi được thấy thì tự dạng có rất nhiều sai sót. Sự sai sót chắc cũng là lẽ thường tình, vì thợ gốm vẽ chữ chứ không phải là viết chữ. Thêm nữa, chúng thường được thời sau làm, chứ không thể là cùng thời.

Cho đến nay, vấn đề lò quan, hay chính xác hơn, vấn đề lò sản xuất gốm dùng cho cung đình và xuất khẩu ở Việt Nam đã và đang được đặt ra. Có thể nói, vào thời Trần, ở Tức Mặc (Nam Định) - các nhà khảo cổ học Việt Nam và Nhật Bản đã tìm được nhiều sản phẩm gốm, trong đó, có một số đồ gốm, dưới đáy có ghi 4 chữ Hán "Thiên Trường phủ chế" bằng men nâu đen viết trên đế mộc, nung nặng lửa. Một trong số những nhà khảo cổ học Nhật Bản tham gia nghiên cứu, chị Nishi Noriko, đã nhận ra rằng, có 7 tiêu bản ghi chữ Hán, đều do một người viết. Như vậy, một lò sản xuất gốm phục vụ hành cung đã có một vị quan coi sóc và chăm lo. Lò Thiên Trường phải chăng là lò quan?

Đến thời đầu Lê, nhiều đồ gốm mỏng, trắng, thấu quang, được xem là đồ sứ Việt, đã tìm thấy ở Chu Đậu (Hải Dương) ở các cung điện Thăng Long, Lam Kinh và trên tàu cổ Cù Lao Chàm, có ghi chữ "Quan" (đồ quan dùng hay sản phẩm

lò quan), có thể chứng minh rằng, lò quan, hay đồ quan dụng (trong đó có thể có cả đồ xuất khẩu) thời Lê đã xuất hiện.

Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu thời Lê cho đến nay, chỉ mới tìm được hai tiêu bản có ghi niên hiệu, đó là một hiện vật giống như chiếc bình vôi, men trắng vẽ lam, được đăng tải trên tờ báo của tổ chức nghiên cứu gốm Châu Á (Asian Ceramic Research Organization), gọi tắt là ACRO, có ghi niên hiệu Hồng Đức, và chiếc bình nổi tiếng ở Istambun-Thổ Nhĩ Kỳ, có niên hiệu Đại Hoà (1450).

Sang thời Lê Trịnh-Mạc và Lê Trung Hưng, có hiện tượng gốm Việt Nam ghi niên hiệu phổ biến hơn, trên các cây đèn, lư hương, hũ cũng là đồ cung đình đặt làm, vì trên đó, không ít các công tử, hầu tước,

nam tước có ghi tên trên sản phẩm để cung tiến cho các chùa chiền, đền miếu. Những sản phẩm phục vụ cung đình dưới thời Lê - Trịnh còn có những ký hiệu để nhận biết, những đồ sứ đó thuộc về các cung phủ nào: "Nội Phủ thị trung", "Nội phủ thị hữu", "Nội Phủ thị Nam", "Nội phủ thị Bắc", "Nội phủ thị Đông", "Nội phủ thị Đoài", "Nội phủ đài tạo". "Khánh Xuân thị tả" chúng hoàn thành là đồ ký kiểu được đặt làm ở Trung Hoa.

Thời Quang Trung và đầu thời Nguyễn, trong sự nhận biết của chúng ta, đồ gốm ghi niên hiệu còn quá ít, duy nhất có một chiếc bát Quang Trung, hiện trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Thời Gia Long, có khả quan hơn, nhưng cũng vô cùng hiếm, hầu hết là gốm Bát Tràng, đôi tiêu bản là sứ ký

kiểu.

Dưới thời Nguyễn, đồ gốm Việt Nam ghi niên hiệu ít dần, nhường chỗ cho đồ sứ "ký kiểu", có ghi niên hiệu như Minh Mạng niên tạo (chế), "Thiệu Trị Minh Mạng", Thiệu Trị niên tạo (chế)", "Tự Đức niên tạo (chế)", "Khải Định niên tạo (chế)", khá phổ biến.

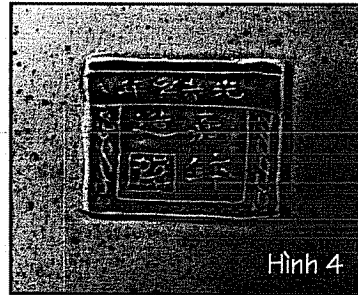
Như vậy, những sản phẩm gốm sứ ký kiểu, có ghi niên hiệu Trung Hoa, hẳn không phải là một hiện tượng biệt lệ. Tuy nhiên, sự biệt lệ ấy, cũng chỉ thấy từ thời Nguyễn, chủ yếu trên đồ sứ đặt hàng. Còn gốm Bát Tràng, như được nêu trên, có ghi niên hiệu Trung Quốc, thiết tưởng là một hiện tượng, dù không hiếm hoi, nhưng cũng ít phổ biến. Phải chăng chúng có liên quan tới những đơn đặt hàng của cung đình Nguyễn, khi niên hiệu Trung Hoa viết trên đồ sứ đặt hàng trở thành một hiện thời thượng, khi mà ước muốn của vương triều này mong gốm nội địa sánh ngang với những đồ sứ Minh - Thanh nổi tiếng? Quả thật, khi nghiên cứu kỹ những tiêu bản trên, chúng tôi thấy chất lượng, sự hoàn mỹ của chúng so với đồng loại hơn hẳn. Rõ ràng chúng là sản phẩm dùng trong cung đình hay các hoạt động tôn giáo. Chúng không thể là đồ dùng của dân gian. Những người đặt làm, những người thợ gốm, các ông chủ lò khi ấy, không hiểu có sự thoả thuận nào không với phía Trung Hoa về quyền sao chép thương hiệu?

2- Trong hai tác phẩm nghiêm túc, đầy đặn, của Giáo sư Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Quang Ngọc và của TS Nguyễn Đình Chiến, về gốm Bát Tràng (4)



Hình 3

và gốm Minh Văn (5) qua một sưu tập khá đồ sộ, nhưng tôi chưa thấy các tác giả nói tới hiện tượng này. Đặc biệt là trên gốm Minh văn, tác giả khuôn khung niên đại làm đối tượng khảo sát của mình chỉ trong thời gian từ thế kỷ XV-XIX. Đương nhiên, không thể có một ấn phẩm nào có thể giải quyết được hết mọi vấn đề, nhưng, lẽ ra, trong phần lời nói đầu của cuốn sách, Nguyễn Đình Chiến nêu hé mở cho người nghiên cứu về những đồ gốm có minh văn trước khung niên đại nêu trên, với những dẫn dụ đầy sức thuyết phục về một bình gốm kiểu Hán phát hiện được ở Việt Nam còn cả niên hiệu Thăng Bình, thời Đông Tấn (6). Mà tôi đã được một vị túc nho ở Hà Nội cho hay, hoặc viên gạch có chữ trong ngôi mộ Nam Tề và cuộc khởi nghĩa của Lữ Tuấn (7) cùng những viên gạch có ghi niên hiệu "Vĩnh Ninh Trường", "Đại Việt Quốc Quân thành chuyên", "Lý Gia đệ tam đế", hay đồ gốm có ghi "Thiên Trường Phủ chế"... Còn những đồ gốm có minh văn thế kỷ XIX thì nhiều vô kể, mà tôi đã nêu dẫn ở trên. Mặc dù, đối tượng khảo sát của anh là gốm men, nhưng ngay trong giới hạn ấy, thì với đồ ký kiểu cũng chưa được anh lưu ý, nên người đọc vẫn còn cảm thấy băn khoăn, mặc dù, tôi biết anh chưa thật thoải mái khi xếp những đồ ký kiểu là gốm sứ Việt Nam. Thế nhưng, đồ gốm Bát Tràng ghi niên hiệu nêu trên, đâu phải là đồ ký kiểu? Còn hàng loạt những thông tin gốm minh văn của thời đại anh đang nghiên cứu, anh chưa cập nhật hoặc khi ấy chưa phát hiện được - Đó là



Hình 4

những chữ "trù" (bếp), "quan" (quan dụng, quan điều), "Lam" (Lam Kinh) v.v... trên những hiện vật được các nhà khảo cổ học phát hiện tại Thành cổ Hà Nội và Thành cổ Lam Kinh, có rất nhiều ý nghĩa giải quyết các vấn đề lịch sử, xã hội, kinh tế. Theo nhà sử học Tạ Ngọc Liễn, anh còn có cả một bộ sưu tập các trôn bát, đĩa, chậu gốm ở Chu Đậu, có niên đại Lê Sơ, được ghi các chữ Hán: "quân", "tốt", "binh". Mà qua đây, có thể biết được đồ dùng của binh lính trong quân đội thời ấy. Rồi cả hiện vật gốm lạ lắm về chức năng sử dụng, không chỉ có ghi niên hiệu Hồng Đức, mà còn hàng loạt những thông tin đi kèm, được tăng tải trên ACRO, cũng chưa được anh lưu ý. Theo tinh thần mở rộng hơn của khái niệm gốm sứ, thì những thông tin của nhà khảo cổ học Đỗ Văn Ninh về những viên gạch vô thời Lê Sơ phát hiện được trong khu xây dựng nhà Quốc hội, cung văn hoá quận Ba Đình (Hà Nội), còn cho nhiều thông tin về phiên chế quân đội thời ấy, mà không ít đạo quân (theo phiên chế ấy) đã được ghi trong chính sử (8).

Còn nhiều, rất nhiều những dẫn dụ khác, mà sự hạn hẹp của dung lượng bài viết, tôi không thể đưa hết. Tôi cũng thực sự không am tường nhiều lĩnh vực này, nên chỉ nêu vấn đề để những người quan tâm

lưu ý, xem xét. Tôi hy vọng sẽ có một công trình hoàn thiện hơn về đồ gốm có minh văn, qua đó, có thể cung cấp thêm những thông tin bổ ích, những nhận thức mới cho nhiều vấn đề khác của lịch sử.

P.Q.Q

Chú thích:

- 1) Stevenson John and John Guy (ed). Vietnamese Ceramic: A Separate Tradition. Chicago, Art Media Resources with Avery Press. 1997.
- 2) Trần Đức Anh Sơn. Đồ sứ Việt Nam ký kiểu tại Trung Hoa từ 1804 đến 1924 hiện tàng trữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội, 2002.
- 3) Trần Đức Anh Sơn. đã dẫn.
- 4) Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiến và Nguyễn Quang Ngọc. Gốm Bát Tràng thế kỷ XV-XIX (Bat Trang Ceramics 14th - 19th centuries), Hà Nội 1995.
- 5) Nguyễn Đình Chiến, Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV-XIX (Hand book of Vietnamese Ceramic with insertions from the fifteenth to Nineteenth Centuries in Vietnamese an English) Bảo tàng Lịch sử Việt Nam xuất bản, 1999.
- 6) Chúng tôi gọi chiếc bình này là "kiểu Hán", bởi chúng chắc chắn sản xuất ở Việt Nam. Tuy nhiên, niên hiệu ghi trên bình lại dùng niên hiệu Trung Quốc. Đó cũng là một hiện tượng xuất hiện khá sớm.
- 7) Hà Văn Tấn. Chữ trên đá, chữ trên đồng. Minh văn và lịch sử. Hà Nội. 2001. Xem trong bài: Viên gạch có chữ trong mộ thời Nam Tề và cuộc khởi nghĩa của Lữ Tuấn, tr.64-67.
- 8) PGS.TS Đỗ Văn Ninh cho tôi biết thêm, trên viên gạch thời Lê sơ, có ghi chữ "Tráng phong quân", đó là vệ "Tráng quân" trong Phủ Nam Quân. Khi Lê Thánh Tông lập lại quân đội vào tháng 4-1466, đã chia quân đội ra thành 5 phủ, mỗi phủ chia thành 5 vệ, mỗi vệ chia 5 sở, mỗi sở có 400 lính. ở đây cũng có viên gạch ghi "Vũ Kị quân", hẳn cũng là một sở của Nam Quân.